TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CHƠN THÀNH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/DS-ST
Ngày: 24 - 7 - 2024
V*ề việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Ung Thị Ngọc Thanh
Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Xuân Thiều
2. Ông Phạm Xuân Đính

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Vi - Cán bộ tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát tham dự phiên toà: Ông Nguyễn Đức Sách – kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại hội trường xét xử Toà án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 70/TLST-DS ngày 10/4/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/QĐXX-ST ngày 17/6/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng A. Địa chỉ: Lầu 8, 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.1, Q.B, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn S, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ngân hàng A chi nhánh Chơn Thành, QL14, KP.2. P. H, thị xã C, tỉnh Bình Phước

- *Bị đơn:* Bà Trần H, sinh năm 1987; Địa chỉ: Tổ 10, KP.1, P. M, thị xã C, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 02 năm 2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng A – ông Nguyễn S trình bày:

Ngày 18/05/2023, bà Trần H có ký với Ngân hàng A (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng của bà Trần H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ

tín dụng, bà Trần H đã thực hiện các giao dịch và các khoản phải thanh toán với tổng số tiền lũy kế là 22.853.497 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Trần H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 5.337.468 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Trần H vẫn không có thiện chí trả nợ.
Do bà Trần H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 25/11/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 24/07/2024, bà Trần H còn nợ các khoản sau: Dư nợ: 14.242.532 đồng, lãi quá hạn là 3.273.497 đồng. Tổng cộng: 17.516.029 đồng

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà Trần H có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà Trần H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại hợp đồng đã ký.

Do đó Ngân hàng A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 24/07/2024 là 17.516.029 đồng, trong đó: Dư nợ là 14.242.532 đồng, lãi quá hạn là 3.273.497 đồng

Bà Trần H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh sau ngày 24/07/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Đối với bị đơn bà Trần H Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà H làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như tham gia phiên tòa nhưng bà H vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bà H được.

Tại phiên Tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp Biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ tín dụng A và bản tóm tắt sao kê đến ngày 24/7/2024.

- Bị đơn vắng mặt đến lần thứ 2 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng các quy định về thủ tục tố tụng, vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình khi tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình khi tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị gì thêm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng

năm 2010; Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất; Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án tuyên xử Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A. Buộc bà Trần H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A tổng số tiền là 17.516.029 đồng trong đó: Dư nợ gốc là 14.242.532 đồng, Nợ lãi quá hạn là 3.273.497 đồng; Bà H phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng A theo mức lãi thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng thẻ trên số nợ gốc còn lại tính từ ngày 25/7/2024 cho đến khi ông bà H thanh toán hết số nợ

Về án phí: Đề nghị xem xét bị đơn phải chịu

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].***Về thủ tục tố tụng***:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng* do Ngân hàng A đứng đơn khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2].Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Trần H cư trú tại Tổ 10, KP1, P. M, thị xã C, tỉnh Bình Phước do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về sự có mặt của đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Trần H vắng mặt đến lần thứ 2 mặt dù đã được triệu tập hợp lệ. Do đó, căn cứ tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1].Về hình thức, nội dung và thẩm quyền ký kết của Hợp đồng tín dụng: Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) được ký kết giữa Ngân hàng A và bà Trần H trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Do đó, về hình thức, nội dung, thẩm quyền ký kết của hợp đồng tín dụng đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Do vậy, Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng là hợp đồng hợp pháp. Vì vậy, các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

[2.2].Về yêu cầu trả nợ gốc và lãi: Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Trần H đã thực hiện các giao dịch và các khoản phải thanh toán với tổng số tiền lũy kế là 22.853.497 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Trần H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 5.337.468 đồng. Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 25/11/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Như vậy, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại điều 466 Bộ Luật dân sự 2015. Do đó cần buộc bà H phải trả cho ngân hàng số tiền dư nợ gốc là 14.242.532 đồng

Về lãi suất: HĐXX xét thấy do bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã chuyển khoản nợ trên thành khoản nợ quá hạn và buộc bà H phải trả lãi theo hợp đồng đã thoả thuận. Việc Ngân hàng áp dụng mức lãi suất và đề nghị bà H phải trả là phù hợp với quy định về lãi suất và lãi suất quá hạn của hợp đồng tín dụng thẻ, phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, 8 ,12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất nên HĐXX chấp nhận.

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền dư nợ là 14.242.532 đồng, từ ngày Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại. Cụ thể như sau: Lãi suất quá hạn tính theo biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ tín dụng của Ngân hàng A là 2.325%/ tháng (1.55 x 150%). Lãi quá hạn từ ngày 25/11/2023 đến ngày 24/07/2024 là 3.273.497 đồng

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc bà H phải có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng tổng số tiền 14.242.532 đồng, trong đó là dư nợ là: 14.242.532 đồng; Nợ lãi quá hạn là 3.273.497 đồng

Đồng thời bà H phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi thỏa thuận Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A và bà Trần H trên số nợ gốc còn lại tính từ ngày 25/7/2024 cho đến khi trả hết số tiền nợ gốc.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên không phải chịu án phí sơ thẩm,

Bị đơn bà Trần H phải chịu án phí theo mức án phí có giá ngạch tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn là 875.801 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A.

Buộc bà Trần H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A tổng số tiền là 17.516.029 đồng trong đó: Dư nợ gốc là 14.242.532 đồng, lãi quá hạn là 3.273.497 đồng.

Bà H phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng A theo mức lãi thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng thẻ Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) trên số nợ gốc còn lại tính từ ngày 25/7/2024 cho đến khi bà H thanh toán hết số nợ

2.Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 875.801 đồng. Ngân hàng Ngân hàng A không phải chịu án phí. Ngân hàng A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 523.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004180 ngày 09/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh – VKSND tỉnh;*
- *VKSND thị xã Chơn Thành;*
- *Cơ quan THADS thị xã Chơn Thành;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS+VT.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ung Thị Ngọc Thanh